

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41 /2026/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiện

Ông Hồ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 05/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (H).

Địa chỉ: Số B B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1990 chức vụ: Giám đốc H1 – chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1994 – chức vụ: Chuyên viên cao cấp Quan hệ khách hàng cá nhân – Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H. Địa chỉ: Số A, đường Đ, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số D, đường N, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/3/2024, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) và bà Nguyễn Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, vay tổng số tiền 1.630.000.000 đồng, lãi suất 12.4%/năm cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 21/3/2025, lãi trả vào ngày 21 hàng tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh heo thịt.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà N thế chấp cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 78 (236389-9-(6)), Khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng), theo Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNO & TSKGLVĐ số BM 542766, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 13906 do UBND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/11/2013, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị N. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ ngày 28/12/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL01 ngày 22/08/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL02 ngày 21/03/2024).

Ngày 19/5/2022, bà **Nguyễn Thị N** có ký Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H.** **Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng, loại thẻ V1 vay có tài sản bảo đảm, thời hạn cấp hạn mức 36 tháng, lãi suất 30%/năm.**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà **Nguyễn Thị N** không trả nợ lãi, nợ gốc khi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết, cụ thể bà **Nguyễn Thị Ngọc C** thanh toán nợ lãi khi đến các kỳ hạn trả nợ hàng tháng, cụ thể từ tháng 10 năm 2024 đến nay, bà **Nguyễn Thị N** không thanh toán các khoản nợ lãi đến hạn và **toàn bộ** khoản nợ đã chuyển sang nợ xấu nên Ngân hàng yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc yêu cầu trả nợ, nhưng bà **Nguyễn Thị N** vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H)** yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/6/2026 là **2.149.690.147** đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) , cụ thể:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, nợ tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 2.101.945.857 **đồng**, trong đó: Nợ gốc là: 1.630.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.767.008 đồng; Nợ lãi quá hạn 384.681.499 và lãi phạt quá hạn: 11.497.350 đồng.

Và số tiền nợ **T1** Tín dụng Visa theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa ngày 19/05/2022, tạm tính đến ngày 23/6/2026 là: 47.744.290 **đồng**, trong đó: Nợ gốc là: 25.311.103 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.588.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 13.917.639 đồng; Lãi phạt quá hạn: 927.230 đồng.

Trường hợp, bà **Nguyễn Thị Ngọc K** thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân**

hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Nguyễn Thị N tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) thì bà Nguyễn Thị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Theo các bản khai, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 19/5/2022 bà có vay thẻ tín dụng Visa theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H), gọi tắt là Ngân hàng. Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng.

Ngày 21/3/2024 bà có ký vay tái cấp lại của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) số tiền 1.630.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD, giải ngân theo Khế ước nhận nợ 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024. Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh heo thịt của bà

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 78 (236389-9-(6)), Khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Bình Thuận (Nay là Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng), theo Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNO & TSKGLVD số BM 542766, Số vào sổ cấp GCN: CH 13906 do UBND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/11/2013, đứng tên Nguyễn Thị N.

Bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ ngày 28/12/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL01 ngày 22/08/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL02 ngày 21/03/2024. Đây là tài sản riêng của bà đã thế chấp từ khoản vay năm 2021 và sau khi làm hồ sơ vay tái cấp thì tiếp tục ký kết phụ lục thế chấp để vay vốn.

Theo Ngân hàng khoản vay của bà đã chuyển nợ quá hạn từ tháng 04/2024. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/1/2026 là 1.997.917.155 đồng, thì bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cụ thể: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, nợ tạm tính đến ngày 05/1/2026 là **1.955.797.938 đồng**, trong đó: Nợ gốc là: 1.630.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là: 325.797.938 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.767.008 đồng; Nợ lãi quá hạn: 242.235.863 đồng; Lãi phạt quá hạn: 7.795.067 đồng; Và số tiền nợ **T1** Tín dụng Visa theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa ngày 19/05/2022, tạm tính đến ngày 05/1/2026 là: **42.119.217 đồng**, trong đó: Nợ gốc là: 25.311.103 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.588.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.162.024 đồng; Lãi phạt quá hạn: 575.881 đồng.

Trường hợp bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho **H1** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ ngày 28/12/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL01 ngày 22/08/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL02 ngày 21/03/2024 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là tài sản riêng của cá nhân bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T2 cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 2.149.690.147 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng), cụ thể:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, nợ tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 2.101.945.857 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 1.630.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.767.008 đồng; Nợ lãi quá hạn 384.681.499 và lãi phạt quá hạn: 11.497.350 đồng.

Và số tiền nợ T1 Tín dụng Visa theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa ngày 19/05/2022, tạm tính đến ngày 23/6/2026 là: 47.744.290 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 25.311.103 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.588.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 13.917.639 đồng; Lãi phạt quá hạn: 927.230 đồng.

Trường hợp, bà Nguyễn Thị Ngọc K thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 để thu hồi nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà **Nguyễn Thị N** hiện cư trú tại **thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng** nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng theo **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**. Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025;

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng**.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt bà **Nguyễn Thị N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà **Nguyễn Thị N** là phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự**.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng vay tín dụng:

[4.1.1] Xét về số tiền nợ gốc:

Xét “Hợp đồng tín dụng” số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024, giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H** và bà **Nguyễn Thị N**, bản chất đây là hợp đồng vay tài sản, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H cho bà **Nguyễn Thị N** vay số tiền 1.630.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 12,4%/năm, trả lãi hàng quý, trả nợ gốc vào ngày 21/03/2025. Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Nguyễn Thị N** xác nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H** để vay số tiền 1.630.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng) và ngày

19/5/2022 bà có vay thẻ tín dụng Visa theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H), hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng. Sau khi vay tiền bà đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 9 “Hợp đồng tín dụng” số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 có quy định: Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ “*Thực hiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn, sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện các yêu cầu liên quan khi H thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tình trạng tài sản bảo đảm, tình trạng /khả năng trả nợ và việc thực hiện các nghĩa vụ /cam kết khác với H)...*”. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị N không thanh toán tiền lãi theo đúng kỳ hạn và không thanh toán tiền gốc khi đến hạn (ngày 21/3/2025) vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng là bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) có quyền thu hồi khoản vay. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) số tiền nợ gốc 1.630.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.1.2] Xét về yêu cầu trả tiền lãi trên tiền nợ gốc:

Tại “Hợp đồng tín dụng” số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) và bà Nguyễn Thị N có thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, lãi suất quá hạn đối với lãi chậm trả và các loại phí khách hàng phải trả. Xét thấy các thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, lãi suất quá hạn đối với lãi chậm trả và các loại phí khách hàng phải trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bà Nguyễn Thị N đã không thực hiện đúng việc trả lãi, phí theo cam kết giữa các bên, cụ thể bà N thường xuyên trả chậm lãi, đến ngày 22/10/2024 thì chuyển lãi quá hạn, đến nay bà N chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi là 127.219.407 đồng. Do đó, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) yêu

cầu bà N phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) số tiền lãi tính đến ngày 23/6/2026 là 471.945.857 đồng, trong đó: Nợ lãi trong hạn: 75.767.008 đồng; Nợ lãi quá hạn 384.681.499 và lãi phạt quá hạn: 11.497.350 đồng là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa:

[4.2.1] Xét về số tiền nợ gốc

Tại “Tờ trình cấp thẻ tín dụng” số L220519223657013 của Ngân hàng TMCP P xác định hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng, loại thẻ V1 vay có tài sản bảo đảm, thời hạn cấp hạn mức 36 tháng, lãi suất 30%/năm. Tuy nhiên đến nay bà N vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc theo “Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H)” giữa Ngân hàng và bà N là bà N đã vi phạm thỏa thuận. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) số tiền nợ gốc 25.311.103 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm mười một ngàn một trăm linh ba đồng) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2.2] Xét về yêu cầu trả tiền lãi trên tiền nợ gốc:

Tại “Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) được ký kết giữa giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) và bà Nguyễn Thị N ngày 19/5/2022 và Tại “Tờ trình cấp thẻ tín dụng” số L220519223657013 của Ngân hàng TMCP P có thỏa thuận về mức lãi suất. Xét thấy các thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn, lãi suất quá hạn đối với lãi chậm trả và các loại phí khách hàng phải trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bà Nguyễn Thị N đã không thực hiện đúng việc trả lãi, phí theo cam kết giữa các bên, cụ thể bà N chỉ trả lãi được đến ngày 9/10/2024, các kỳ trả lãi tiếp theo bà N đều vi phạm. Do đó, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền lãi tính đến ngày 23/6/2026 là 22.433.187 đồng là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) tính đến ngày 23/6/2026 là 2.149.690.147 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

[4.4] Xét về yêu cầu tiếp tục trả lãi, phí quá hạn sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1,2 Điều 13, Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐ và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi, phí quá hạn theo thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng” số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) và bà Nguyễn Thị N và Tại “Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) được ký kết giữa giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H) và bà Nguyễn Thị N ngày 19/5/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4.5] Xét về biện pháp bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành phố H (H), bà Nguyễn Thị N đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 78 (236389-9-(6)), Khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Bình Thuận (Nay là Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng), theo Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNƠ & TSKGLVD số BM 542766, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 13906 do UBND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 13/11/2013, đứng tên Nguyễn Thị N. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ ngày 28/12/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL01 ngày 22/08/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL02 ngày 21/03/2024 được lập thành văn bản và có đăng ký bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nên trên để thu hồi nợ là đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chi tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả lại chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của **Kiểm Sát V** về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc bà **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà **N** thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí lệ phí nên được miễn nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, các khoản 2,3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung; Mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025;

- Các Điều 299, 320, 351, 353, 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **Nguyễn Thị N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền **2.149.690.147 đồng** (Hai tỷ một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng). Cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 6732/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 22/03/2024, nợ tạm tính đến ngày 23/6/2026 là 2.101.945.857 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 1.630.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 75.767.008 đồng; Nợ lãi quá hạn 384.681.499 và lãi phạt quá hạn: 11.497.350 đồng; Theo Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa ngày 19/05/2022, tạm tính đến ngày 23/6/2026 là: 47.744.290 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 25.311.103 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.588.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 13.917.639 đồng; Lãi phạt quá hạn: 927.230 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng” số 6732/24MB/HĐTD ngày 21/03/2024 giữa **Ngân hàng TMCP P** và bà **Nguyễn Thị N** và Tại “Đề nghị Kiêm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng Visa của **Ngân hàng TMCP P**” được ký kết giữa giữa **Ngân hàng TMCP P** và bà **Nguyễn Thị N** ngày 19/5/2022.*

Trường hợp bà **Nguyễn Thị N** không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho **Ngân hàng TMCP P** thì **Ngân hàng TMCP P** được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ ngày 28/12/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL01 ngày 22/08/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 30940/21MB/HĐBĐ/PL02 ngày 21/03/2024 để thu hồi khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà **Nguyễn Thị N** phải hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền 33.517.000 đồng (*ba mươi ba triệu năm trăm mười bảy ngàn*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008515, ngày 14/11/2025 của Phòng thi hành án khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Bà **Nguyễn Thị N** thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Vân

